

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2020

V/v ly hôn giữa bà Đ và ông T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành

2. Ông Huỳnh Kim Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Mi Đ, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Long C, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp 2, xã Long Đ, huyện C, tỉnh Long An.

(Bà Đ có mặt, ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/11/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Đinh Thị Mi Đ trình bày: bà và ông T cưới nhau vào năm 1982, do tìm hiểu tự nguyện, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 1989 thì xảy ra mâu thuẫn, bà về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân đến nay. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, đời sống kinh tế khó khăn làm ảnh hưởng tình cảm vợ chồng, khi mâu thuẫn xảy ra không giải quyết được nên bà và ông T không chung sống được với nhau. Trong thời gian ly thân từ năm 1989 đến nay bà và ông T không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng không còn tình cảm và không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Bạch Y, sinh năm 1985 và Huỳnh Thị Bạch N, sinh năm 1989 đều đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/5/2020, bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày: ông và bà Đ chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1982, sau đó vợ chồng có mâu thuẫn về tình cảm và đời sống kinh tế khó khăn nên đã ly thân từ năm 1989 đến nay. Ông và bà Đ không có đăng ký kết hôn. Nay ông đồng ý ly hôn với bà Đ. Ông và bà Đ chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Thị Bạch Y, sinh năm 1985 và Huỳnh Thị Bạch N, sinh năm 1989 đều đã thành niên. Ông và bà Đ không có tài sản chung và nợ chung. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng như thông báo thụ lý, thông báo hòa giải giữa các đương sự nên việc Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: ông Huỳnh Văn T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Huỳnh Văn T .

[2]. Về nội dung: Bà Đinh Thị Mi Đ và ông Huỳnh Văn T cưới nhau vào năm 1982, không có đăng ký kết hôn. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận. Bà Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo bà Đ và ông T trình bày do trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp tính nhau, cuộc sống kinh tế khó khăn dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ năm 1989 đến nay, trong thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Đ và ông T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian vợ chồng ly thân nhau cũng đã lâu. Bà Đ yêu cầu ly hôn, ông T cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống nên cần

chấp nhận cho bà Đ được ly hôn với ông T theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về nuôi con chung: bà Đ và ông T có 02 con chung tên Huỳnh Thị Bạch Y, sinh năm 1985 và Huỳnh Thị Bạch N, sinh năm 1989 đều đã thành niên nên không xem xét việc nuôi dưỡng các con chung.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7]. Về án phí: bà Đ phải chịu án phí theo qui định của pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Mi Đ về việc ly hôn đối với ông Huỳnh Văn T.

Về hôn nhân: bà Đinh Thị Mi Đ được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: bà Đinh Thị Mi Đ và ông Huỳnh Văn T có 02 con chung tên Huỳnh Thị Bạch Y, sinh năm 1985 và Huỳnh Thị Bạch N, sinh năm 1989 đều đã thành niên.

Về án phí: bà Đinh Thị Mi Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008162 ngày 13/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, bà Đ đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang

